**Trường THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**

**Tổ: Toán GV: Nguyễn Văn Đức**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Tên bài dạy**

**ÔN TẬP GIỪA HỌC KÌ 1**

**Thời lượng: 1 tiết- tuần 9**

**I. MỤC TIÊU :**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được các kiến thức cơ bản về căn bậc hai.

- Biết tổng hợp các kĩ năng đã có về tính toán, biến đổi biểu thức số và biểu thức chữ có chứa căn bậc hai.

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: Đọc và tìm hiểu sgk về nội dung bài học, hợp tác, giao tiếp thảo luận nhóm hiệu quả, sử dụng ngôn ngữ toán học chính xác.

- *Năng lực chuyên biệt*: Vận dụng thành thạo các kiến thức căn bản về căn bậc hai.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức, tập trung, tự giác, tích cực trong nhiệm vụ được phân công

- Hợp tác, giúp đỡ bạn cùng hoàn thành nhiệm vụ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** Kế hoach dạy học, máy tính, ti vi,

**2. Học sinh:** Xem trước bài, thực hiện các hướng dẫn của tiết học trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho hs trong việc tái hiện lại kiến thức.

**b) Nội dung:** Trả lời nhanh một số câu trắc nghiệm toán học.

**Hãy khoanh tròn vào đáp án đúng nhất**

**Câu 1.** Căn bậc hai số học của 81 là?

 A. -9 B. 9 C. ± 9 D. 6561

**Câu 2.** Tính  ta được kết quả:

 A. 9a2b B.  C.  D. 

**Câu 3.** Đưa thừa số vào trong dấu căn của  ta được kết quả là:

 A.  B.  C.  D. 

**Câu 4.** Khử mẫu của biểu thức lấy căn  được kết quả là:

 A.  B.  C.  D. 

**Câu 5**: Rút gọn các biểu thức  được

 A. 4 B. 26 C. -26 D. -4

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của hs.

Câu 1: B; Câu 2: D; Câu 3: B; Câu 4: A; Câu 5: D.

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV đưa đề bài lên ti vi (màn chiếu) và yêu cầu hs suy nghĩ trả lời nhanh.

SH suy nghĩ đọc lập tìm câu trả lười, sau đó giơ tay phát biểu.

GV gọi hs đứng tại chỗ trả lời.

Các hs khác nhận xét.

GV chốt kiến thức.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a) Mục tiêu:** Ôn tập lại kiến thức chuẩn bị cho kiểm tra giữa học kì 1.

**b) Nội dung:** HS làm một số dạng bài tập cơ bản của chương 1.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của hs.

**d) Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ****\* Kết luận, nhận định***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS**GV chốt lại kiến thức* | **Bài 1. Thực hiện phép tính**1. $\sqrt{18}-2\sqrt{50}+3\sqrt{8}$

$=3\sqrt{2}-10\sqrt{2}+6\sqrt{2}=-\sqrt{2}$ 1. $\sqrt{4+2\sqrt{3}}=\sqrt{\left(\sqrt{3}+1\right)^{2}}$

$=\left|\sqrt{3}+1\right|=\sqrt{3}+1$ $$c)\frac{4}{\sqrt{5}-1}-\frac{4}{\sqrt{5}+1}$$$$=\frac{4\left(\sqrt{5}+1\right)}{\left(\sqrt{5}-1\right)\left(\sqrt{5}+1\right)}-\frac{4\left(\sqrt{5}-1\right)}{\left(\sqrt{5}+1\right)\left(\sqrt{5}-1\right)}$$$$=\frac{4\sqrt{5}+4-4\sqrt{5}+4}{5-1}=\frac{8}{4}=2$$**Bài 2. Tìm x, biết:** = 6 với x  -5.Giải$$ \sqrt{4x+20}-2\sqrt{x+5}+\sqrt{9x+45}=6$$$$⇔\sqrt{4\left(x+5\right)}-2\sqrt{x+5}+\sqrt{9\left(x+5\right)}=6$$$$⇔2\sqrt{x+5}-2\sqrt{x+5}+3\sqrt{x+5}=6$$$$⇔3\sqrt{x+5}=6$$$$⇔\sqrt{x+5}=2$$$$⇔x+5=4$$$⇔x=-1$ (tmđk)**Bài 3.**Cho biểu thức1. Tìm x để biểu thức Q có nghĩa.
2. Rút gọn biểu thức Q.
3. So sánh Q với 1.

Giải1. $x>0 và \sqrt{x}-1\ne 0⇔x>0 và x\ne 1$

$$Q=\left(\frac{1}{\sqrt{x}\left(\sqrt{x}-1\right)}+\frac{1}{\sqrt{x}-1}\right):\frac{\sqrt{x}+1}{\left(\sqrt{x}-1\right)^{2}}$$$$=\frac{1+\sqrt{x}}{\sqrt{x}\left(\sqrt{x}-1\right)}∙\frac{\left(\sqrt{x}-1\right)^{2}}{\sqrt{x}+1}=\frac{\sqrt{x}-1}{\sqrt{x}}$$1. Với $x>0 và x\ne 1$ thì

$$Q=\frac{\sqrt{x}-1}{\sqrt{x}}=\frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}}-\frac{1}{\sqrt{x}}=1-\frac{1}{\sqrt{x}}$$Vì $x>0 nên \sqrt{x}>0⇒\frac{1}{\sqrt{x}}>0$$$⇒1-\frac{1}{\sqrt{x}}<1⇒Q<1$$ |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

* Ôn bài chuẩn bị tiết sau kiểm tra giữa kì 1.